

LÝ ĐÔNG A

CHÌA KHÓA THẮNG NGHĨA

HỌC HỘI THẮNG NGHĨA

2020 - 4899 T.V.

CHÌA KHOÁ THĂNG NGHĨA¹

Dẫn Nhập

Để chỉ đường lối cho vào cổng tu dưỡng² mới về thăng nghĩa³ mới, các đồng chí giữa cái học thuật mê cung⁴ (labyrinthe) đó sao không khỏi có cái

¹ Chìa Khóa Thăng Nghĩa (có tài liệu ghi: Chìa Khóa Của Thăng Nghĩa) là tập tài liệu do Tiên sinh Lý Đông A biên soạn khoảng năm 1943-1944. Đây là tài liệu chính yếu và căn bản về nền triết học mới của Lý Đông A, nội dung đưa ra những chìa khoá để mở cửa vào lâu đài Thăng Nghĩa Mới. Chìa khoá gồm: 4 Tiền Đề, 5 Đầu Mối, 3 Nguyên Lý Cơ Bản, Nội Dung Xã Hội Biện Chứng Pháp, Công Thức Biện Chứng và Bản Vị Học Thuyết với những điểm chủ yếu... Học Hội Thăng Nghĩa sử dụng chú giải của Đồng Nhân Học Xã qua bản *Chìa Khóa Thăng Nghĩa (Chú giải)* để độc giả có thể nắm được ý nghĩa các từ ngữ Lý tiên sinh sử dụng trong tài liệu.

² Tu Dưỡng (tu tâm, dưỡng tính): Tu là sửa sang cho được thuần tuý tốt đẹp. Dưỡng là nuôi, dạy để mong được đầy đủ lớn mạnh hơn. Dùng công phu tinh mật về sự học hỏi cả thể chất, tâm hồn lẫn tính nết cho mỗi ngày mỗi tiến bộ hơn.

“Tu Dưỡng là công việc cá nhân tự đào tạo văn minh, nhưng phải có một tiêu chuẩn mô phạm và trước hết phải có quốc dân tu dưỡng”.

“Sự đào tạo thành công lên cao độ bởi tự công phu trong một người tự thực hành lấy gọi là Tu Dưỡng” (trích *Tuyển Mục Của Đại Việt Mô*).

³ Thăng Nghĩa: [Chính nghĩa tất thắng hay] Chủ nghĩa vượt thắng [nhưng không với nghĩa thắng thua bình thường mà vượt lên trên vì bổ khuyết, chỉnh sửa những khiếm khuyết và sai lầm của] các chủ nghĩa khác [Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh]. Đó là hệ thống tổng hợp tất cả các nền tư tưởng đồng, tây, kim, cổ cho tới nay.

“Thăng Nghĩa vì hơn mọi chính kiến, có như thế mới gọi là Thăng Nghĩa” (trích *Chính Kiến – Bông Lau*).

“Duy Dân Chủ Nghĩa là sự phục hưng và phục hoạt tất nhiên và tiên tri, cho nên gọi nó là Thăng Nghĩa, nghĩa là thắng hết các chủ nghĩa, vạn thắng cả trên vật chất lẫn tinh thần” (trích *Thăng Nghĩa – Xuân Thu*). Ngoài ra, trong tập *Tiểu Luận Thăng Nghĩa*, Lý tiên sinh còn cho thấy nhiều ý nghĩa khác nữa của “Thăng Nghĩa”.

⁴ Học Thuật Mê Cung: Mê cung, nguyên nghĩa từ chữ Labyrinthe trong thần thoại Hy Lạp để chỉ một cung điện, trong đó có nhiều ngõ ngách quanh co rối rắm mà ai đã vào thì không thể tìm được lối ra. Ở đây muốn nói đến những học thuyết phong phú đa dạng của đồng, tây, kim, cổ có nhiều điều mâu thuẫn lẫn nhau, khiến người cầu học không thể xác định được đâu là chân lý đích thực để noi theo.

cảm giác mình chỉ là kẻ “môn tường chi ngoại”⁵. Cần yếu là phải đưa chùm chìa khóa cho ai nấy đều được “đăng đường nhập thất”⁶, nắm giữ lấy cái nút của thăng nghĩa mới đó, nghĩa là thông tỏ được cả một văn hóa thể hệ⁷ mới và một sinh mệnh sự nghiệp⁸ mới của hiện đại và tương lai.

THĂNG NGHĨA LÝ TẮC

Lý tắc⁹ là khoa học tìm tòi, nắm giữ và vận dụng những cơ sở luật tắc thống nhất cho tự nhiên, xã hội và tư tưởng vận động; lý tắc tức là trung tâm của triết học thể hệ và sinh mệnh hệ thống¹⁰. Nó đồng thời là bản thân của tự nhiên, xã hội và tư tưởng thống nhất trên một cơ sở nguyên lý thống nhất.

⁵ Môn Tường Chi Ngoại là đứng bên ngoài, đứng ngoài cửa, ngoài tường, chưa vào được trong nhà nên không thể thấy, không thể hiểu được những ý nghĩa sâu xa của một nền học thuật.

⁶ Đăng Đường Nhập Thất: Đăng đường là lên chỗ trang trọng chính giữa ngôi nhà (phòng khách). Nhập thất là vào nơi thờ tự linh thiêng nhất của ngôi nhà. Đó là nghĩa đen, còn nghĩa bóng là “học vấn lên đến bậc cao minh là đăng đường, dò tới chỗ sâu kín là nhập thất”.

⁷ Văn Hoá Thể Hệ (Thể là nội dung, bản chất. Hệ là hệ thống, bao gồm hình tượng và tác dụng (Tượng, Dụng)): Thể hệ bao gồm cả bản chất, nội dung lẫn hình thức và tác dụng (Thể, Tượng, Dụng). Như thế, Văn Hoá Thể Hệ là toàn bộ nội dung lẫn hình thức và tác dụng của một nền văn hoá. Thể, Tượng, Dụng của mọi sự vật là thống nhất, không thể mâu thuẫn và tách biệt. Do đó, xây dựng một nền Văn Hoá Thể Hệ là xây dựng một nền văn hoá trọn vẹn và thống nhất từ nội dung, bản chất ra tới hình thức và tác dụng.

⁸ Sinh Mệnh Sự Nghiệp là những công trình, công việc to lớn ích lợi chung và ảnh hưởng lâu dài đến xã hội, dân tộc và nhân loại. Nói chung là những công cuộc xây dựng bồi đắp, phát huy dòng sinh mệnh của dân tộc và nhân loại.

⁹ Lý Tắc (nguyên tắc lý luận): Những kiến thức tư tưởng được khái quát hoá từ kinh nghiệm thực tiễn thành hệ thống, thành những nguyên tắc mà người ta dựa vào đó để bàn luận, biện minh cho ra lẽ đúng, lẽ thật để chỉ đạo cho những hành động thực tiễn.

¹⁰ “Sinh Mệnh Hệ Thống tức tất cả các quy mô sinh hoạt nội tại, ngoại tại, tinh thần, vật chất và văn hoá” (trích *Sinh Mệnh Tâm Lý*).

Duy Tâm triết học tỏ ra hình thức lý tắc khô khan, phiến toái và ngưng trệ. Duy Vật triết học vận dụng cái biện chứng lý tắc trong buồng thí nghiệm hóa học, không phải là trên bản vị loài người và nuôi người như muối và sắt.

Ngoài ra, Nhân Minh học Ấn Độ chỉ là một thứ danh học lý tắc (Nominalisme). Phép Tam Quán¹¹ của nhà Phật lại là một thứ quán tưởng lý tắc¹² (Quiétisme). Khoa Thần Quan và Vật Quan¹³ của Tống Thiệu-Khang-Tiết là lối của Dân Sinh triết học, nhưng tiếc thay một mặt trên cái triết học thể hệ đó, người sáng tạo ra nó suy diễn ra, biến nó thành một số học lý tắc (Logistique). Lại như các nhà “Kiên Bạch, Dị Đồng”¹⁴ cũng không ngoài cái

¹¹ Phép Tam Quán: [Mọi vật đều bị] huỷ diệt, đều mất đi, nhưng cái này già héo cằn cõi rơi rụng thì vẫn có cái khác mơn mớn sinh ra và lớn lên theo luật vô thường Thành, Trụ, Hoại, Không (Sinh, Trụ, Di, Diệt). Nghĩa là: tất cả rồi sẽ bị huỷ diệt, rồi sẽ mất đi (Vô) nhưng thực ra mọi vật vẫn còn đó, vẫn có đó (Hữu). Vậy không hoàn toàn chỉ chấp Vô hoặc chỉ chấp Hữu, mà phải theo Trung đạo: chấp nhận vừa Có (Hữu) vừa Không (Vô), đó là Quán Trung. Một thiền sư Việt Nam thời Lý, Từ Đạo Hạnh (? – 1115) đã diễn tả rõ ràng phép Tam Quán này chỉ bằng bốn câu thơ một mực: “Có, thì có tự may may/Không, thì cả thế gian này cũng không/Ô kìa bóng nguyệt lòng sông/Ai hay không, có, có, không thế nào”.

¹² Quán Tưởng Lý Tắc (Quiétism)

- Nghĩa thần học: Chủ thuyết của một số nhà thần bí (Molinos, Guyon) cho rằng sự hoàn hảo (perfection) Ki Tô Giáo là ở trong tình yêu thương thuần túy, thành ra họ lãnh đạm với việc cứu rỗi.

- Nghĩa mở rộng: Thái độ, tinh thần chiêm niệm thuần túy và vô vi.

Ở đây ý nói: nếu cứ thực hành theo phép thiền Tam Quán sẽ nghiêng nhiều về phần tu tâm, dưỡng tánh để trở thành “độc thiện kỳ thân”, chỉ là “cầu toàn trách bị” mà không thích tham gia vào các hoạt động công ích cho xã hội.

¹³ Thần Quan, Vật Quan, Tống Thiệu-Khang-Tiết: Thời nhà Tống bên Tàu, Thiệu Ung, tự là Nghiên Phu, thụy là Khang Tiết (1011-1071) soạn cuốn Hoàng Dục Minh Thể cùng những thuyết Thái Cực, Động Tĩnh, Âm Dương để giảng về lẽ tuần hoàn của vũ trụ, lại dùng 64 quẻ để biểu thị trình tự diễn tiến của vũ trụ, vạn vật. Họ Thiệu còn đưa ra nhiều thuyết quái dị để giải thích thời vận, trong đó có Thần Quan và Vật Quan: “Khí chỉ là Một, chủ của Khí là Càn. Thần cũng chỉ là Một” (Khí nhất nhi dĩ, chủ chỉ càn dã. Thần diệc nhất nhi dĩ). Khí mà tán thì vật chết...

¹⁴ Kiên Bạch, Dị Đồng: Hai chủ trương của phái Mặc gia.

- Một bên chủ trương “Ly Kiên Bạch”, tách rời cái chắc [cứng] và cái trắng của hòn đá riêng ra; bên kia cho rằng cái chắc và cái trắng của hòn đá không lìa nhau.

- Một bên chủ trương “Hợp Dị Đồng”, hợp dị với đồng làm một; bên kia phản bác lại, tách lìa đồng và dị.

phạm vi của Phiền Toà học phái¹⁵ (Scholastique). Tuy nhiên, những khoa học Đông Tây không phải không cố gắng về nội dung hay hình thức, và nguyên lý hay phương pháp không ít cho loài người. Nhưng đi với văn minh mới, với những con người có những bộ óc mới không thể không đem các ngành ngọn kia hấp thụ lấy cái tinh hoa thuần túy và những chân lý cộng thông; tất cả cần phải cải tạo lại.

Thăng Nghĩa trong sự hình thành một văn minh thể hệ¹⁶ mới và sinh hoạt sự nghiệp mới mạnh, bền, hợp, lớn lao và khó khăn này, trước hết nhận chân các tiền đề sau đây:

1. Tự Nhiên, Xã Hội và Tư Tưởng thống nhất¹⁷

Luật tắc của ba phạm trù đó cộng thông với nhau là một; sự vận động, kết hợp, lưu hành và diễn tiến của cả ba là thống nhất. Đó là *Căn Bản Nghĩa*.

2. Đạo Học, Khoa Học và Sử Học thống nhất

Khoa học tìm tòi sự thực trên tự nhiên. Đạo Học tìm tòi cái trung tâm vận động của xã hội trên tâm lý, luân lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người; nó là suy động lực mà Sử Học thì tìm tòi những qui luật những quy luật vận động của xã hội trên quá trình cổ kim, hiện tại và tương lai. Văn

Hai bên tranh cãi không bên nào chịu bên nào. Những lời biện luận của họ có tích chất nguy hiểm, lắt léo, làm cho vấn đề càng thêm phức tạp, phiền toái.

¹⁵ Phiền Toà Học Phái (Scholastique). Phiền toà: Lộn xộn, vụn vặt, tạp nhạp, lồi thối. Scholastique: Duy-Kinh-Viện học phái, một phái triết học thịnh hành thời Trung cổ ở Âu Châu, chuyên viện dẫn những kinh điển triết học của Hy Lạp để cắt nghĩa chứng minh giáo điều của Cơ Đốc Giáo là chân lý.

¹⁶ Văn Minh Thể Hệ là một nền văn minh trọn vẹn, thống nhất từ nội dung, bản chất tới hình thức và tác dụng, đã đạt tới trình độ nhất định, thẩm thấu vào xã hội nên tạo ra những đặc trưng tiêu biểu cho một xã hội rộng lớn, một thời đại hoặc cho cả nhân loại.

¹⁷ Tiến sĩ Fritjof Capra - một khoa học gia, nhà hoạt động và là tác giả của nhiều cuốn sách bán chạy nhất thế giới, diễn tả sự kết nối các thay đổi về khái niệm khoa học với những thay đổi rộng lớn hơn về thế giới quan và các giá trị xã hội - trong cuốn sách mới nhất của ông với đồng tác giả, Giáo sư Pier Luigi Luisi, *The System View of Life* (Cambridge University Press, 2014), trình bày một tổng hợp hoàn toàn mới về công trình này. Ông sử dụng các từ ngữ gần như tương tự với Lý Đông A khi diễn tả sự kết hợp các khía cạnh sinh học (biological), nhận thức (cognitive), xã hội (social) và sinh thái của cuộc sống vào một tầm nhìn thống nhất. (TD)

minh của loài người do ba mặt Đạo Học, Khoa Học và Sử Học chứng minh và khái quát bằng những nguyên tắc và sự thực của nó. Nên muốn tìm tòi, bả ác¹⁸ và vận dụng cái then chốt của văn minh, của sinh mệnh nhất định phải thống nhất ba môn học ấy lại mà thích đáng tung hợp lại thành những nguyên lý và luật tắc làm nhận thức chuẩn thẳng¹⁹ cho xã hội loài người. Đó là *Căn Bản Học*²⁰.

3. Bản Thể Luận, Nhận Thức Luận và Phương Pháp Luận thống nhất

Triết học có 3 bộ phận căn yếu và nền tảng. Bản Thể luận suy cứu những nguyên lý và cứu cánh của sự thật với bản chất; Nhận Thức luận nhận thức cái quan hệ của tư tưởng với sự vật, tâm với xác, tinh thần với vật chất, chủ quan với khách quan, loài người với vũ trụ; Phương Pháp luận suy cầu những đường lối, cách thức đưa dắt tư tưởng và kiến lập tư tưởng. Khả thị ba cái là thống nhất trên cái nền tảng Tự Nhiên, Xã Hội và Tư Tưởng thống nhất. Đó là *Căn Bản Luận*²¹.

4. Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh Quan thống nhất

Duy Vật quan quá thiên về vật chất là chí thượng; trái lại Duy Tâm lấy tinh thần làm nguyên động lực; Duy Sinh triết học chiết trung dung tục²² quá, chỉ có bình diện mà không có lập thể và các hàng trận doanh Duy Sinh là một thứ nhị nguyên luận chật hẹp, gộp chắp, không có độc đặc tính. Khả thị Duy Tâm, Duy Vật với Duy Sinh đều là những xu hướng giải quyết sự

¹⁸ Bả Ác: cầm, nắm, nắm giữ được. Nghĩa bóng là làm chủ, điều khiển được. (TD)

¹⁹ Chuẩn Thẳng (Chuẩn là phép tắc, mẫu mực. Thẳng là sợi dây căng thẳng ra): Trước khi sẻ gỗ, người thợ mộc bặt một sợi giây có tấm mực làm chuẩn cho đường cưa khỏi lệch. Nghĩa bóng là các phép tắc, các mẫu mực thật đúng để cứ noi theo đó mà làm.

²⁰ Căn Bản Học: Căn bản cho học thuật. Nguyên lý nền tảng, căn bản cho mọi công cuộc nghiên cứu và học thuật là Triết học (hay Đạo học), Khoa học và Sử học phải thống nhất.

²¹ Căn Bản Luận: Căn bản cho mọi lý luận. Nguyên lý căn bản cho lập luận để làm sáng tỏ ý nghĩa về chân lý và thực tại là lý luận về Bản thể, Nhận thức và Phương pháp phải thống nhất.

²² Chiết Trung Dung Tục: Bao quát một cách chung chung, tầm thường thô thiển, không có gì đặc biệt.

sinh, tồn, tục, tiến, hóa của loài người. Nếu thấy được cái chân lý căn bản đó thì Tâm, Vật, Sinh đều bình hành thống nhất dưới chỉ đạo của nó là Căn Bản Quan: Dân Sinh Thực Hiện Quan.

Trên những nhận thức nền tảng kia, ta sẽ đi sâu vào bản thân của Thăng Nghĩa Triết học, cầm lấy cái đầu mối của nó.

1. Chỉ có đạo kỷ là tự kỷ nguyên nhân, là vô sai biệt phạm trù²³

Đạo kỷ là sự trông về trước, ngoái về sau, đứng vào lập trường của loài người tìm đường đạo. Nó khinh thị nhất nguyên với nhị nguyên²⁴, chân

²³ Đạo Kỷ: Đường sống của tự mình. Người là một sinh vật từ tự nhiên mà ra, nhưng là một loài sinh vật đặc thù, có khả năng đặc biệt. Đó là khả năng chủ động đời sống của mình, có thể biến cải và đổi mới các điều kiện sống để thăng tiến mà tạo ra lịch sử, văn hoá từ sơ khai tới văn minh. Người vừa nương nhờ người khác, sự vật khác (hỗ tương nguyên nhân) vừa có thể chủ động ảnh hưởng, biến đổi hoàn cảnh (tự kỷ nguyên nhân) có lợi cho đời sống và đường sống của mình (đạo kỷ). Do đó đạo kỷ của loài người, hay nhân đạo, tức đường sống người vừa nhờ các điều kiện chung quanh, vừa do chủ động tự tạo ra (tự kỷ nguyên nhân). Đó là sự khác biệt căn bản giữa Đạo Kỷ của Loài Người và Đạo Kỷ của Tự Nhiên (hỗ tương nguyên nhân), tức con người vừa tự kỷ nguyên nhân vừa hỗ tương nguyên nhân.

Tự Kỷ Nguyên Nhân: Làm nguyên nhân cho chính mình, cho tự mình. Đây là tính chất đặc thù của con người do Lý Đông A (LĐA) khám phá ra. Song hành với tự kỷ nguyên nhân là hỗ tương nguyên nhân, tức làm nguyên nhân lẫn cho nhau. Mọi hiện tượng và sinh vật trong tự nhiên đều phải nương nhờ lẫn nhau mà hiện diện, tồn tại và tiến hoá. Con người cũng từ tự nhiên mà ra nên cũng cần có hỗ tương nguyên nhân. Nhưng con người còn có khả năng đặc thù là tự kỷ nguyên nhân. Con Người vừa tự kỷ nguyên nhân vừa hỗ tương nguyên nhân, mà tự kỷ nguyên nhân là chủ yếu. Chính nhờ khả năng này mà con người có thể làm chủ được thiên nhiên, xã hội và chính bản thân mình để luôn luôn cải tiến đời sống và tạo ra lịch sử, văn hoá và văn minh.

Vô Sai Biệt Phạm Trù (phạm trù không sai biệt): Là cái hình thức, cái khái niệm căn bản đúng đắn tuyệt đối, không bao giờ thay đổi hay sai lệch. Không thể có cái nào khác đúng hơn nữa.

Thăng Nghĩa triết học có 5 "đầu mối". Đây là đầu mối thứ nhất, đầu mối quan trọng nhất, nói lên tiền đề triết học Người, với tính đặc thù của Con Người là Tự Kỷ nguyên nhân.

²⁴ Nhất Nguyên, Nhị Nguyên

- Nhất Nguyên (Monisme): Từ chỉ chung các chủ thuyết chỉ chấp nhận một nguyên lý duy nhất - cho rằng vạn vật trong vũ trụ chỉ do một nguồn gốc đầu tiên sinh ra, hoặc là do tinh thần, hoặc là do vật chất, trong khi các chủ thuyết khác chấp nhận có hai hay nhiều nguyên lý.

- Nhị Nguyên (Dualism): Nghĩa rộng: mọi chủ thuyết đều đặt ra hai nguyên lý không thể nào giản qui vào nhau một cách tuyệt đối. Nghĩa hẹp siêu hình học: hệ

như với vô cực²⁵. Tự nó là thời gian với không gian trong cái khoáng trường và khai tịch²⁶ của tri thức, của sống còn, của thiết thực và khoa học.

2. Tinh thần với vật chất là hỗ tương nguyên nhân²⁷

Tinh thần với vật chất, nhiệt với thành, tâm với vật, thể với dụng, tính với tình, biết với làm, năng với lực, chất với lượng, tất cả những tương đối phạm trù đó suy động lẫn nhau mà sinh ra vận động với kết hợp. Đó là *chân ý nghĩa của sinh mệnh*; tinh thần cần đầy đủ và điều dụng; vật chất cần bền chặt và linh hoạt.

3. Vận động với kết hợp²⁸ là hỗ tương nguyên nhân

thống triết học chấp nhận trong vũ trụ có hai bản thể hay hai thể giới không thể nào giản qui vào nhau như linh hồn và thể xác, tinh thần và vật chất.

²⁵ Chân Như, Vô Cực

- Chân Như (Bhutathatâ, Tathatâ): Danh từ Phật học, chỉ cái chân lý có thực thể, thực tính vẫn hằng có đời đời không hề thay đổi, không sinh không diệt.
- Vô Cực (Sans Fin, Infini): Cái giá trị tuyệt đối lớn, không có chỗ nào cuối cùng có giá trị lớn hơn nó nữa.

²⁶ Khoáng Trường, Khai Tịch

- Khoáng Trường (Khoáng là rộng rãi. Trường là phình to ra): Bành trướng mở rộng ra.
- Khai Tịch (Khai là mở đầu, mở mang. Tịch là mở rộng thêm): Nguyên nghĩa từ "Khai thiên tịch địa", có nghĩa là mở rộng cả trời lẫn đất.

²⁷ Hỗ Tương Nguyên Nhân: Nguyên nhân lẫn cho nhau. Mọi hiện tượng (bản vị) cần vận hành và phát triển không thể không do ảnh hưởng của những bản vị khác. Mọi hiện tượng đều tự kỷ vận động, nhưng vận động tự kỷ ấy sẽ tạo thành một lực suy động (càng ngày càng tăng tiến) tác động lên bản vị khác [và chịu sự tác động trở lại], nên gọi là hỗ tương nguyên nhân.

²⁸ Vận Động và Kết Hợp (hỗ tương nguyên nhân): Đây là một trong những nguyên lý căn bản của Thăng Nghĩa Biện Chứng Pháp. Vận Động, theo nguyên nghĩa từ Aristotle là chuyển động và biến thành. Theo Dịch học, Động và Tĩnh là hai mặt không thể tách biệt của sự vật. LDA phân biệt suy động, vận động và kết hợp. Suy động là sức khởi động, từ suy động mà ra vận động. Vận động dẫn đến kết hợp. Vận động có hai chiều là hướng tâm vận động và hướng thượng vận động. Mọi sự vật và hiện tượng đều được tạo thành bởi nhiều yếu tố hay thành phần cấu tạo. Các yếu tố hay thành phần này luôn vận động theo hướng hấp dẫn và đẩy xa nhau. Khi hai hướng này quân bình thì sự vật hay hiện tượng mới ổn định. Khi hai hướng mâu thuẫn hay thiên lệch thì sự vật hay hiện tượng sẽ không ổn định và các yếu tố cấu thành có thể tan rã.

Suy động thành vận động. Vận động là nguyên nhân của kết hợp; mục đích và kế hoạch của vận động là kết hợp vì vũ trụ không thể không có thường quỹ, sinh mệnh không thể không có định thông. Kết hợp tức là pháp thể hợp tướng. Đã có kết hợp thì cái kết hợp đó phát sinh một đối lập thống nhất²⁹ và quân hành trạng thái³⁰ để đến một hướng tâm vận động³¹ (sinh

Muốn hiểu đầy đủ khái niệm Vận Động trong Thăng Nghĩa phải nghiên cứu các khái niệm liên quan là Hướng Tâm vận động và Hướng Thượng vận động; Tự Kỳ, Ý Tha và Động Tha; Tự Kỳ nguyên nhân và Hỗ Tương nguyên nhân; Vận Động và Kết Hợp; Bản Vị và Cơ Năng lẫn Trung Tâm Bản Vị.

Cần phân biệt ba phạm trù vận động khác nhau. (1) Phạm trù vận động cơ-vật-lý-học của hệ thống thiên nhiên vô cơ. (2) Phạm trù vận động sinh-hoá-học của hệ thống sinh vật hữu cơ và (3) Phạm trù vận động xã hội Người. Hai phạm trù vận động cơ-vật-lý-học và sinh-hoá-học có chung một tính chất khách quan hoàn toàn hỗ tương tác động và hỗ tương phụ thuộc (hỗ tương nguyên nhân). Không một hiện hữu nào trong phạm trù vận động này có thể tự vận động và tác động lên sự vận động của cả hệ thống. Chỉ có con người và xã hội người là có khả năng tự ý vận động (tự kỷ vận động) và tự ý tác động lên sự vận động chung theo một chủ hướng thiết kế nào đó do Người tự đặt ra. Tất nhiên con người cũng phải chịu theo nguyên tắc chung của tự nhiên là hỗ tương vận động và hỗ tương phụ thuộc. Sự phân biệt tính chất khác nhau giữa vận động xã hội người và vận động tự nhiên thuần túy rất quan trọng cho việc xây dựng đời sống con người.

²⁹ Đối Lập Thống Nhất: Đây là một trong ba qui luật căn bản của Xã Hội Biện Chứng Pháp Thăng Nghĩa. Hai qui luật kia là Chất Lượng Hồ Biến và Phủ Định Phủ Định.

Đối lập là không lẫn vào nhau, không mâu thuẫn nhau, không huỷ diệt nhau, phải nương nhờ nhau tự làm tròn phần vụ hầu đạt một mục đích. Quá trình đạt đích ấy là đi đến thống nhất hoá. Luật Đối Lập Thống Nhất, gọi xuôi là thống nhất mà đối lập, tu chỉnh lại qui luật Mâu Thuẫn (triệt tiêu nhau) của Marx. Mọi hiện hữu đều có hai mặt tương phản (âm-dương, nam-nữ, tinh thần-vật chất...) gọi là đối lập nhưng không thể tiêu diệt nhau mà đều cần tới nhau để cùng tồn tại và kết hợp thống nhất trong một hiện hữu chung. Khi nào hai mặt tương phản này không thống nhất nữa mà mâu thuẫn, thì sự vật hay hiện tượng sẽ tan rã.

³⁰ Quân Hành Trạng Thái (Quân là đều, không lệch một bên nào. Hành là vận chuyển, chuyển dịch): Quân hành trạng thái là giữ được sự hoạt động, chuyển vận đồng đều không thiên lệch về một bên hay yếu tố nào.

³¹ Hướng Tâm Vận Động: Vận động hướng vào trung tâm. Mỗi sự vật trong thiên nhiên hay hiện tượng trong xã hội đều được cấu thành bởi nhiều yếu tố. Các yếu tố này có hai xu thế vận động: hút vào và đẩy xa nhau. Xu thế hút vào nhau được quân bình bởi xu thế đẩy xa nhau, dần dần tạo ra một trục trung tâm. Nhờ đó các yếu tố này kết hợp, tạo thành một sự vật hay hiện tượng (bản vị). Hướng tâm vận động là một xu thế vận động quan trọng trong thiên nhiên, con người cũng như xã hội. Nếu không có hướng tâm vận động, các yếu tố cấu thành sẽ phóng ngoại, rời rạc và tan rã.

mệnh chủ ngã) và một hướng thượng vận động (hoạt động thực hiện), đồng thời từ cái thể kết hợp đó phải tự kỷ vận động³² mà lại là nguyên nhân của vận động. Đó là *chân ý nghĩa của sinh hoạt*³³.

Vận động cần phải chính thường và kinh hằng³⁴; kết hợp cần phải thích tình³⁵, đắc vị, tận phần và hợp lý; khác với những cái đó là ngẫu nhiên,

Theo LDA, thế giới từ sau 1950 sẽ bước vào thời kỳ hướng tâm vận động trên hai mặt chính trị và văn hoá. Về văn hoá, đó là sự ra đời của một nền văn hoá Nhân Bản mới (Nhân Văn phục hoạt), tức nhận thức về tính đồng nhất của loài người, vượt khỏi mọi cách biệt về chủng tộc, ngôn ngữ... Từ trung tâm văn hoá cộng đồng dân tộc, các dân tộc sẽ tự kết hợp lại [loại bỏ kết hợp cưỡng bách, triệt tiêu dân tộc theo kiểu quốc tế cộng sản] và cùng kết hợp với nhau (trên chính trị) thành lập các khối cộng đồng [Lý tiên sinh gọi là các tập đoàn an toàn, tức liên kết, phát triển vùng hay khối, bình đẳng và tự do], tiến đến thành lập một cộng đồng nhân loại (theo Bản Vị Học Thuyết).

³² Tự Kỷ Vận Động: Vận động của chính mình, của riêng một sự vật hay hiện tượng, chưa nói tới tương quan của sự vật hay hiện tượng với các sự vật và hiện tượng khác. Vận động tương quan đó gọi là hổ tương vận động. Trong thực tại đời sống, không có vận động riêng rẽ của một hiện tượng hay sự vật cô lập. Mọi sự vật và hiện tượng luôn tương quan, do đó tự kỷ vận động luôn gắn liền với hổ tương vận động. Quả đất vừa quay chung quanh nó vừa quay chung quanh mặt trời, không thể không quay chung quanh nó mà không quay chung quanh mặt trời hay ngược lại. Mỗi cá nhân vừa có những quan điểm và hành động đặc thù, vừa chia sẻ và đóng góp vào quan điểm và hành động chung của xã hội.

³³ Sinh Hoạt: (1) Là những hoạt động thuộc về đời sống hằng ngày của một người hay của một cộng đồng người. (2) Là quá trình liên tiếp không ngừng nghỉ của sự sống mỗi người, mỗi vật thể hữu cơ. (3) Là quá trình hoạt động, biến hoá, sáng tạo và hưởng dụng về vật chất cũng như tinh thần của mỗi người hay của một tập thể người.

³⁴ Chính Thường, Kinh Hằng

- Chính Thường (Chính là đúng, phải, ngay thẳng, thích đáng. Thường là luôn luôn, không dứt): Chính Thường là luôn luôn giữ đúng mức, đúng điều đã vạch ra; luôn luôn giữ cho chính đáng từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm để làm mẫu mực cho sự vận dụng Thăng Nghĩa nhằm hình thành một nền văn hoá thể hệ mới và cho cuộc vận động quần chúng tự động tổ chức (kết hợp), thành lập một sinh mệnh hệ thống mới cho dân tộc.

- Kinh Hằng (Kinh là trải qua, xuyên suốt. Hằng là lâu bền, thường thường không dứt): Kinh Hằng là bền bỉ, thường xuyên nhắc nhở, khuyến khích cho tới khi đạt được mục đích.

³⁵ Thích Tình: Thích hợp với tình cảm, thích ứng với mọi tình huống; hợp đúng với mọi trường hợp, lòng mong mỏi, ước muốn [hợp lý] của một người nào.

nghĩa là bệnh thái và phi thường thái; không thể lấy bệnh thái và phi thường thái mà cho thường thái một luật tắc đặc biệt.

4. Bản vị và cơ năng là hỗ tương nguyên nhân

Do vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân mà sản sinh ra lẽ bản vị và cơ năng³⁶ hỗ tương nguyên nhân. Từ vận động đi đến kết hợp, kết hợp sẽ đi đến bản vị. Hỗ tương hình thành cái bản vị đó là những thành phần và bộ phận. Mỗi thành phần và bộ phận chịu chung cái hướng tâm xu thế³⁷ mà mỗi đảm nhiệm một tác dụng, nghĩa là thành một cơ năng. Bản vị là nguyên nhân của cơ năng, đồng thời cơ năng lại là nguyên nhân của bản vị. Đó là *chân ý nghĩa của sinh tồn*. Bản vị cần phải hiệp điệu và thống nhất. Cơ năng cần phải phân công và hợp tác³⁸.

³⁶ Bản Vị, Cơ Năng

- Bản Vị (Bản: Gốc rễ, gốc đầu của mọi việc. Vị: Vị trí, địa vị, ngôi thứ): Bản Vị là một tổng thể, một hệ thống thống nhất (whole, unit), bền chặt và ổn định, có tính chất hoạt động đặc thù, cấu tạo bởi các cơ năng thành phần.

- Cơ Năng (cơ cấu và chức năng): Cơ Năng là một cơ cấu có chức năng riêng biệt trong một hệ thống thống nhất (bản vị). Một hệ thống bản vị được cấu thành bởi nhiều cơ năng thành phần (parts). Mỗi cơ năng thành phần này có bản sắc và chức năng hoạt động đặc thù nhưng tác động với nhau một cách hoà điệu mà kết hợp nên hệ thống bản vị. Mỗi cơ năng tự nó lại phải được cấu thành bởi nhiều yếu tố, do đó bản thân mỗi cơ năng lại là một hệ thống bản vị. Như thế, mỗi bản vị đồng thời là một cơ năng và mỗi cơ năng đồng thời lại là một bản vị. Quá trình hình thành một hệ thống bản vị không thể tách rời khỏi quá trình cơ năng hoá bản vị đó. Lý thuyết Hệ thống (Theory of System), Phân tích Hệ thống (System Analysis) và Cơ cấu luận (Structuralism and Functionalism) là những khám phá của khoa học xã hội hiện đại, phù hợp với Học thuyết Bản Vị của Thặng Nghĩa.

³⁷ Hướng Tâm Xu Thế: Là các cơ năng ở vào cái thể hướng vào trung tâm không cưỡng lại được, không thể theo lối khác được. Nó khác với hướng tâm vận động là vận động hướng về trung tâm để phát triển cái Ta. Hướng tâm xu thế là trạng thái chuyển động hướng vào trung tâm, tương tự với sức hút trong vật lý học. Tuy nhiên sức hút không nói lên được xu hướng vận động hướng tâm của các cơ năng [vì ngoài sức hút còn có sức đẩy để tạo thế quân bình. Ngoài ra, các cơ năng thành phần vừa vận động theo chiều hướng tâm, vừa vận động theo chiều hướng thượng của các bản vị trong xã hội người. Tự nhiên giới (động vật) không có khả năng hướng thượng này (TD)].

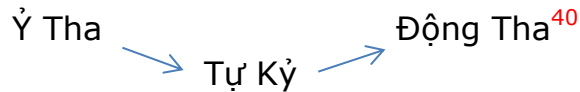
³⁸ Phân Công, Hợp Tác

- Phân Công: Chia việc ra cho nhiều người cùng làm [theo khả năng, hoàn cảnh, tâm sinh lý...] để hoàn thành một công việc chung cho khỏi chông chéo dẫm chân lên nhau nhằm đạt được hiệu suất cao hơn. Đây là một nguyên tắc quan trọng của Thặng Nghĩa trong khoa học quản lý và tổ chức công việc, khác với nguyên tắc

5. Hỗ tương nguyên nhân đó là tự kỷ nguyên nhân³⁹

Đó là *chân ý nghĩa của đạo kỷ*.

Cái quá trình hỗ tương nguyên nhân có thể suy diễn ra thành cái công thức này:



phân quyền [mà thiếu hợp tác, cụ thể là sự tranh chấp quyền lực của các đảng trong lập pháp hoặc giữa lập và hành pháp] của dân chủ Tây phương. [Sự phân công này nằm trong mô hình sinh hoạt Bản vị-Cơ năng để thay thế cho mô hình kim tự tháp kiểu cộng sản và bổ khuyết cho phân quyền của Tây phương: tuy phân quyền nhưng lập và hành pháp thường vẫn do các chính đảng nắm giữ, nhân dân chưa được trực tiếp tham dự để quyết định sinh mệnh chính trị của họ. Phân công còn phải được song hành với phân mệnh và phân lợi. Sự phân công không chỉ dành riêng trong lãnh vực chính trị mà còn cho mọi sinh hoạt xã hội. Tuy gọi là "phân công" nhưng điểm quan trọng là mỗi người hoàn thành tốt đẹp công việc của mình và hợp tác thay vì gây trở ngại với các người khác để cả guồng máy chạy đều (TD)].

- Hợp tác: Cùng chung sức, giúp đỡ lẫn nhau để thực hiện một công việc, một lãnh vực nào đó nhằm hoàn thành một mục đích chung.

³⁹ Hỗ Tương Nguyên Nhân Là Tự Kỷ Nguyên Nhân, Là Chân Ý Nghĩa Của Đạo Kỷ:

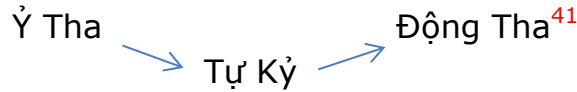
Trong tự nhiên, mọi sự vật và hiện tượng đều nhờ ảnh hưởng lẫn nhau mà hình thành và phát triển. Nguyên tắc đó gọi là hỗ tương nguyên nhân. Nói cách khác, nếu xét Đại Tự Nhiên, Đại Vũ Trụ như là một toàn thể, một hệ thống thì các hiện tượng, sự vật và yếu tố của toàn khối đó (parts and whole trong tân toán học) tự tác động lẫn nhau mà tự thành hình và phát triển cũng như tan rã. Tan rã rồi lại thành hình và phát triển tiếp, cứ thế không ngừng nghỉ. Chúng không cần một yếu tố hay nguyên nhân nào ở ngoài hệ thống tác động vào. Đó là nguyên tắc "hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân". Trong hệ thống tự nhiên, mỗi yếu tố hay hiện tượng cấu thành hệ thống không thể tự nó làm nguyên nhân cho nó được, mà phải nương nhờ vào yếu tố hay hiện tượng khác để hình thành và phát triển.

Con người có khả năng "tự kỷ nguyên nhân" như đã trình bày ở đầu mỗi thứ nhất (... Đạo Kỷ là Tự Kỷ nguyên nhân là...). Nhưng con người hình thành và phát triển trong xã hội, thì xã hội cũng phát triển theo nguyên tắc hỗ tương nguyên nhân, nghĩa là mọi sự vật và hiện tượng đều tương quan và tương tác. Do vậy, trong xã hội vừa có tự kỷ nguyên nhân vừa có hỗ tương nguyên nhân. Đó là ý nghĩa của Đạo Kỷ.

⁴⁰ Ý Tha, Tự Kỷ, Động Tha

Ý Tha (Ý là nương, dựa vào. Tha là người, vật khác): Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là nhờ vào sự vật hay hiện tượng khác.

Vận động là gom góp những thành phần chất và lượng lại thành một hợp tướng có chủ thể, có tự ngã, có tự kỷ, rồi lại do cái tự kỷ đó vận động mà phối hợp với vận động của tự nhiên như hình vẽ:



Tự Kỷ (Tự là chính bản thân. Kỷ là mình): Tự Kỷ là chính bản thân mình. Đây là phạm trù triết học Thặng Nghĩa dùng để chỉ chính mỗi sự vật hay hiện tượng (en-soi), chưa nói tới tương quan của nó với sự vật hay hiện tượng khác. Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là thành một tự kỷ, với bản sắc và tính chất hoạt động đặc thù. Nhưng để Tự Kỷ có thể tồn tại và hoạt động được, nó phải Ý Tha (nương vào cái khác) và Động Tha (tác động lên cái khác). Không có tự kỷ độc lập và cô lập. Mọi tồn tại phải tồn tại bởi và tồn tại với những tồn tại khác trong một hệ thống tồn tại rộng lớn hơn. Đó là nguyên lý đương nhiên khách quan của mọi tồn tại và vận động ở cả ba phạm trù Tự Nhiên, Con Người và Xã Hội.

Động Tha (Động là chuyển động, vận động, tác động. Tha là người khác, vật khác): Động tha là vận động, tác động vật khác, người khác. Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là nhờ vào sự vật hay hiện tượng khác (ý tha). Khi đã hình thành (tự kỷ) lại luôn luôn tác động vào sự vật hay hiện tượng khác (động tha) [để dễ hiểu, có thể tạm dùng ví dụ sau trong tiếng Anh: input-process-output]. Mọi sự vật do đó vừa nhờ vào sự vật khác, vừa hình thành và phát triển, lại vừa tác động lại sự hình thành và phát triển của sự vật khác. Đó là nguyên tắc hỗ tương tác động và hỗ tương phụ thuộc của Tự Nhiên (hỗ tương nguyên nhân) và Con Người (ý tha-tự kỷ-động tha).

⁴¹ Ý Tha, Tự Kỷ, Động Tha

Ý Tha (Ý là nương, dựa vào. Tha là người, vật khác): Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là nhờ vào sự vật hay hiện tượng khác.

Tự Kỷ (Tự là chính bản thân. Kỷ là mình): Tự Kỷ là chính bản thân mình. Đây là phạm trù triết học Thặng Nghĩa dùng để chỉ chính mỗi sự vật hay hiện tượng (en-soi), chưa nói tới tương quan của nó với sự vật hay hiện tượng khác. Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là thành một tự kỷ, với bản sắc và tính chất hoạt động đặc thù. Nhưng để Tự Kỷ có thể tồn tại và hoạt động được, nó phải Ý Tha (nương vào cái khác) và Động Tha (tác động lên cái khác). Không có tự kỷ độc lập và cô lập. Mọi tồn tại phải tồn tại bởi và tồn tại với những tồn tại khác trong một hệ thống tồn tại rộng lớn hơn. Đó là nguyên lý đương nhiên khách quan của mọi tồn tại và vận động ở cả ba phạm trù Tự Nhiên, Con Người và Xã Hội.

Động Tha (Động là chuyển động, vận động, tác động. Tha là người khác, vật khác): Động tha là vận động, tác động vật khác, người khác. Mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là nhờ vào sự vật hay hiện tượng khác (ý tha). Khi đã hình thành (tự kỷ) lại luôn luôn tác động vào sự vật hay hiện tượng khác (động tha) [để dễ hiểu, có thể tạm dùng ví dụ sau trong tiếng Anh: input-process-output]. Mọi sự vật do đó vừa nhờ vào sự vật khác, vừa hình thành và phát triển, lại vừa tác động lại sự hình thành và phát triển của sự vật khác. Đó là nguyên tắc hỗ tương tác động và hỗ tương phụ thuộc của Tự Nhiên (hỗ tương nguyên nhân) và Con Người (ý tha-tự kỷ-động tha).

Tự Kỳ là một luật tắc, bản chất, cơ năng đồng thời là nhân quả, hình thức và điều kiện tất nhiên của vận động. Mỗi tự kỳ thành một bản vị, mỗi bản vị đó ở trong kết hợp bằng các cơ năng. Vũ trụ và xã hội là một thể nội tại và kinh hằng vận động, bằng sự kinh hằng và nội tại kết hợp, phối hợp bằng các bản vị.

Ở đó sinh ra Bản Vị Học Thuyết:

A. NHÂN LOẠI BẢN VỊ

Nhân loại tự thành một bản vị tự kỳ (en-soi) trong cái quá trình tự nhiên, nghĩa là nhân loại tự thành một tự nhiên có độc đặc tính. Nhân loại là trung tâm cho nhân loại tự tại (humanité en-soi) và ý tha vận động. Lập cước điểm⁴² của nhân loại là xã hội. Loài người phải đứng trên cái nền tảng của loài người mà giải quyết vấn đề loài người. Cái học trung tâm của vũ trụ là nhân loại khoa học. Đó là chân ý nghĩa của sinh mệnh loài người.

B. DÂN TỘC BẢN VỊ

Nhân loại là bản vị kết hợp nên bằng hổ tương nguyên nhân và hổ tương vận động⁴³ bởi dân tộc cơ năng. Dân tộc là một hợp thể sinh mệnh có thể kết cấu nên bằng hết thảy các nhân tố đồng chất về nhân chủng sinh hoạt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, hình thức và chế thức.

Nhân loại không thể kết cấu bằng giai cấp. Giai cấp đó là những cơ năng: giai cấp, gia đình, đoàn thể, chức nghiệp là những cơ năng của dân tộc. Muốn cho dân tộc được điều hòa thống nhất thì phải do sự phân công hợp tác theo với nguyên lý của kết hợp là thích tình, đắc vị, tận phần, hợp lý thì sự vận động mới chính thường và kinh hằng, nghĩa là tiến hóa. Cho nên giai cấp xung đột, đó là những bệnh thái; khoáng trương giai cấp đấu tranh, đó là tội ác của Karl Marx muốn biến loài người thành một buồng thí nghiệm, tha hồ mổ xẻ, đào hủy. Gia đình xung đột là bệnh thái của phong kiến. Đoàn

⁴² Lập Cước Điểm (Lập là đặt để, dựng cho thẳng. Cước là chân): Lập Cước Điểm là chỗ để chân trước khi chạy hay nhảy. Việc để chân đúng cách giúp cho sự chạy hay nhảy nhanh, cao và chính xác hơn. Trong chính trị và cách mạng, việc xác định chỗ đứng và thể đứng trước khi khởi đầu cuộc vận động, quyết định sự đúng sai, nhanh chậm của cả tiến trình vận động.

⁴³ Hổ Tương Vận Động: Vận động lẫn nhau. Vận động hai chiều và nhiều chiều giữa các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội.

Học hội Thẳng Nghĩa

thể xung đột là bệnh thái của nghị viện chính trị (parlementarisme), cũng như chức nghiệp [xung đột] là bệnh thái của tự do chủ nghĩa. Có ba thứ siêu việt dân tộc là: Marxisme (Cộng sản chủ nghĩa), Chrétienté (Giáo quyền Rome)⁴⁴, Impérialisme (Đế quốc thiên hạ chủ nghĩa). Đó là những trào lưu phá hoại dân tộc. Nhưng muốn cho nhân loại yên vui trên cơ sở đại đồng, chỉ có quốc tế chủ nghĩa làm trên những nguyên tắc dân tộc và thái độ chủ quyền của quốc gia cho hợp lý.

C. TRUNG TÂM BẢN VỊ⁴⁵

⁴⁴ Lý Đông A biên soạn tài liệu *Chìa Khoá Thăng Nghĩa* trước Công Đồng Vatican II (11/10/1962 đến 8/12/1965) khoảng 20 năm. Công Đồng này đã thay đổi nhiều chi tiết sinh hoạt của Giáo hội Thiên Chúa Giáo, như cho phép người Á đông được thờ phụng, thắp hương trước bàn thờ cha mẹ, tổ tiên mà trước đó không được phép nhằm phù hợp với văn hoá địa phương. Trong *Câu Rút* (phần Huyết Hoa của Tiểu Luận Thăng Nghĩa), Lý Đông A viết: "*Dân tộc Do Thái con cháu Abraham đã giác ngộ "NGƯỜI" là một thể, thế giới là đại đồng. Cái tinh thần ấy không lấy gì mà tượng trưng được, phải gọi là Chúa Trời. Chúa Trời là thực thể của muôn ngàn Chúa Trời vô thượng và vô nhị. Vô thượng cho nên chẳng được hết thảy ác thế lực, vô nhị cho nên chẳng được hết chia rẽ.*" (TD)

⁴⁵ Sự vật hay hiện tượng khi hình thành là thành một bản vị (whole, unit), đồng thời là một cơ năng (xem Bản Vị, Cơ Năng). Không có sự vật hay hiện tượng nào là cô lập [tuyệt đối]. Các bản vị tương tác với các bản vị chung quanh để đi tới một kết hợp, thành một bản vị lớn và rộng hơn. Quá trình tiến từ bản vị nhỏ lên bản vị lớn hơn ấy gọi là cơ-năng-hoá: bản vị được cơ năng hoá thành một cơ năng của bản vị lớn hơn [trong cuốn *Triết Lý Lý Đông A* (Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn Việt Nam, 1998), Tiến sĩ Phạm Khắc Hàm gọi là Nguyên lý Tổng thể. (HHTN)]

Mọi bản vị trong tự nhiên cũng như xã hội, từ thế giới nhỏ (vi mô) tới thế giới lớn (vĩ mô) đều theo nguyên tắc đó mới hình thành và phát triển được. Nếu mỗi cơ năng không kết hợp thành một bản vị và nếu mỗi bản vị không cơ năng hoá để kết hợp thành một bản vị lớn hơn, thì sự vật hoặc va vào nhau mà tan rã (trong xã hội là mâu thuẫn huỷ diệt kiểu Marx), hoặc phóng rời xa nhau để đi vào hư không vô cùng tận. Nhưng để cho quá trình biện chứng hai mặt đó thực hiện được, phải có một bản vị đặc biệt với một chức năng đặc biệt, đó là Bản vị Trung tâm.

Bản vị trung tâm hình thành như thế nào? Mọi sự vật đều vận động theo hai hướng hút vào và đẩy ra, tức sức hút và sức đẩy [hướng tâm và ly tâm]. Sức hút làm các vật ấy tồn tại; sức đẩy làm cho vật ấy chuyển dịch. Nếu hai lực này quân bình thì sự vật vừa tồn tại vừa chuyển dịch. Sự vật chỉ tồn tại khi có chuyển dịch và chỉ chuyển dịch được khi tồn tại. Bản vị trung tâm hình thành như là kết quả của sự quân bình giữa hai hướng vận động này.

Quá trình vận động và kết hợp của mọi sự vật hay hiện tượng là luôn luôn biến dịch không ngừng nghỉ. Cơ năng hoá và bản vị hoá là hai mặt đối lập của một chức năng thống nhất hai vận động đối lập, là vận động hướng tâm và vận động hướng thượng [chỉ trong xã hội người mới có vận động hướng thượng. (TD)].

Học hội Thăng Nghĩa

Sự kết hợp thành một [pháp] thể là do những cơ năng thành phần vĩnh viễn chịu đưa dắt trên một hướng tâm xu thế, đó là phần hấp dẫn (loi de gravité) tự nhiên sinh thành của quốc gia dân tộc nào cũng viết và làm bằng máu mủ, mồ hôi với nước mắt tự nhiên kiến thiết một trung tâm. Cho nên dân tộc [phải] lấy quốc gia tổ chức làm trung tâm. Thế giới hòa bình phải làm bằng một văn hóa cộng đồng trước, cái cộng đồng văn hóa đó phải xây đắp bằng những luật tắc tự nhiên, nó kết hợp do văn hóa cộng đồng rồi mới có thể tổ chức được một tổ chức cộng đồng. Mỗi tự thể trung tâm tự nó lại vận động theo cái dẫn dắt của hướng thượng xu thế; đó là nguyên lý của tiến hóa. Bất quá sự xu hướng đó có được chắc chắn hay không, phải xem cái trung tâm tự thể có được kiên toàn hay không.

Đó là điều kiện của tiến hóa. Cho nên những cơ bản nguyên lý của lý tắc căn bản nghĩa triết học là:

1. Xã Hội với Tự Nhiên Đối Lập Thống Nhất

Cái nhằm lẫn cỗi gốc của Marx là áp dụng thẳng tuột luật tự nhiên vào loài người. Marx chỉ trông thấy cái đối lập thống nhất trong loài người với loài người mà không trông thấy cái đối lập thống nhất của loài người với tự nhiên. Tự nhiên gồm có những luật tắc cạnh tranh và đào thải; giữa loài người chính thể với tự nhiên cũng chịu thứ luật tắc đó; nhưng bởi giữa loài người một khối với tự nhiên có cái xung khắc chế hóa tác dụng đó cho nên loài người với tự loài người sở dĩ có thể thành một kết hợp thể sinh tồn được là vì tự loài người phải duy trì cái trung tâm sinh mệnh của mình gọi là điều hòa, hỗ trợ và hiệp tiến. Đó là chân ý nghĩa của loài người.

2. Cá Thể với Toàn Thể Đối Lập Thống Nhất

Cái mâu thuẫn tác dụng toàn trình quán triệt đồng thời lại hỗ tương thâm thấu. Nó tức là xung khắc chế hóa và tân trần đại tạ. Nó đi từ chính, phản, hợp rồi lại tuần hoàn lại các vòng tròn ốc [chính, phản, hợp]. Cá thể với toàn thể hỗ tương nguyên nhân cho nhau là hỗ tương đối lập thống nhất, cho nên xã hội quy hạn cá nhân đồng thời cá tính có thể đồng hóa cộng tính. Dân tộc bản vị với nhân loại bản vị cũng ví như vậy; cái tính chung đó bao giờ cũng còn. Đó là chân ý nghĩa của dân tộc.

3. Thời Gian với Tiến Hóa Đối Lập Thống Nhất

Mỗi thời gian trong vận động quá trình nhất định phải hình hành một kết hợp, do sở dĩ gọi là hiện đại. Trong cái kết hợp đó nhất định phải do sự

vận động lịch sử dùng các chất lượng thành phần thời gian trước mà kết hợp lại. Cho nên hiện đại có thể có cả quá khứ và tương lai tiến hóa, không khác gì luồng nước sông đem đất thịt đi bồi. Hiện đại với tiến hóa là đối lập thống nhất, quá khứ với hiện đại là đối lập thống nhất trải qua những tác dụng chất lượng hổ biến mà hình thành sự phủ định những phủ định. Cho nên bảo thủ với tiến hóa là đối lập thống nhất mà cách mạng y cứ trên cái nguyên tắc đó mà kiến thiết. Đó là chân ý nghĩa của cách mạng.

Y cứ trên những tầng triết học này mới có thể dùng biện chứng pháp (logique dialectique) cho chính xác với loài người được. Phải có một thứ xã hội biện chứng pháp khác với Duy Tâm biện chứng pháp của Hegel và khác cả với Duy Vật biện chứng pháp của Marx và Engels. Ba thứ căn bản khác nhau ở những cơ sở nguyên lý trên vậy.

Xã hội biện chứng pháp thông qua các nguyên lý nền tảng trên rồi mới đi vào bản thân của biện chứng pháp. Nghĩa là đi vào những luật tắc, phương pháp và kỹ thuật.

A. CĂN BẢN MỆNH ĐỀ

1. Chính (Thèse).
2. Phản (Antithèse).
3. Hợp (Synthèse).

B. CƠ BẢN NHẬN THỨC

1. Lấy đối lập thống nhất nhận xét⁴⁶.
2. Lấy lưu biến phát triển nhận xét⁴⁷.
3. Lấy toàn bộ quan liên nhận xét⁴⁸.
4. Lấy cụ thể hoàn cảnh nhận xét⁴⁹.

⁴⁶ Đối Lập Thống Nhất Nhận Xét: Mọi hiện tượng trong tự nhiên đều có hai mặt, hai mặt này tuy đối lập nhưng luôn thống nhất chứ không mâu thuẫn để hủy diệt.

⁴⁷ Lưu Biến Phát Triển Nhận Xét: Mọi hiện tượng xã hội đều phát triển trong dòng thời gian vô cùng, vô tận, luôn luôn biến đổi và rất sinh động.

⁴⁸ Toàn Bộ Quan Liên Nhận Xét: Phải tránh lối nhìn cục bộ xé lẻ không tương quan đến toàn thể, mà mọi hiện tượng thường liên quan với nhau rất chặt chẽ.

⁴⁹ Cụ Thể Hoàn Cảnh Nhận Xét: Nhận xét hoàn cảnh cụ thể từng hiện tượng.

C. CƠ BẢN LUẬT TẮC

1. Đối lập thống nhất luật⁵⁰.
2. Chất lượng hỗ biến luật⁵¹.
3. Phủ định phủ định luật⁵².

D. CƠ BẢN PHẠM TRÙ

1. Hiện tượng và bản chất.
2. Hình thức và nội dung.
3. Căn cứ và điều kiện.
4. Khả năng và tất năng.
5. Ngẫu nhiên và tất nhiên.
6. Nhân quả và luật tắc.

E. CƠ BẢN PHƯƠNG PHÁP

1. Quan sát - Diễn dịch pháp.
2. Thống kê - Quy nạp pháp.

⁵⁰ Đối lập Thống Nhất Luật: Mọi sự vật đều có hai mặt mâu thuẫn và đối lập (âm dương, nam nữ, ngày đêm) nhưng luôn thống nhất chứ không tiêu hủy nhau. Không có đối lập thì không có vận động và tiến hóa, không có thống nhất đối lập thì không có sinh tồn và ổn định.

Mâu thuẫn Hủy diệt (theo Marx, được cụ thể hoá qua đấu tranh giai cấp) là luật tắc của bất ổn định, của bệnh thái. Thống Nhất Đối Lập là luật tắc ổn định của thường thái.

⁵¹ Chất Lượng Hỗ Biến Luật: Chất và Lượng là hai mặt đối lập mà thống nhất của hiện tượng xã hội. Chất và Lượng phải hỗ tương biến đổi: Chất đổi, lượng đổi – Lượng đổi, chất đổi. Có lúc cần tác động vào lượng mới biến đổi được chất, có lúc lại cần tác động vào chất mới biến đổi được lượng. Trong thực tế, người ta không thể tìm thấy thuần túy chất hay thuần túy lượng. Chất và lượng thường hằng gắn bó, thường hằng tác động lẫn nhau.

⁵² Phủ Định Phủ Định Luật: Phủ định hoạt động trong một dòng những phủ định không ngừng. Dòng phủ định những phủ định này diễn tiến dưới tác dụng của luật tắc Thống Nhất Đối Lập và Chất Lượng Hỗ Biến làm cho mọi phủ định đều có tính tổng hợp và tiếp nối, vừa chứa chính cái nó phủ định, vừa mở ra cái sẽ phủ định nó. Luật Phủ định những Phủ định phản ánh trung thực dòng sinh mệnh tiến hóa không ngừng. Nó khác hẳn với luật "Phủ định của Phủ định" (của Marx) vì luật này chịu tác dụng của hai luật tắc "Mâu Thuẫn để Hủy Diệt" và "Lượng đổi Chất đổi theo" (cũng của Marx). Chính tác động này làm cho sự "Phủ định của Phủ định" không thể mang tính tổng hợp, tiếp nối và tiến hóa.

Học hội Thăng Nghĩa

3. Suy diễn - Loại tỷ pháp.

Xã hội biện chứng pháp nhất quán đi đến sự cải tạo xã hội trên những nền tảng làm sống và làm tiến xã hội trong những phạm trù tất nhiên của loài người.

A. NHÂN LOẠI BẢN VỊ: Nhân Đạo - Nhân Sinh - Nhân Kỳ.

Xã hội là nền tảng và trung tâm duy trì xã hội cho nhân đạo. Nhân đạo cần cho những nguyên tắc vận động kết hợp bản vị cơ năng để thâm thiết thực hiện. Nhân đạo gồm nhân quyền, nhân đức, nhân luân và nhân ngạch (phân công, hợp tác). Nhân đạo mục đích là để thực hiện nhân sinh, nhu yếu và phần thực gồm những nhu yếu tư cấp dự kiến trên y, thực, trú, hành, dục, lạc, tác⁵³. Kết hợp nhân đạo và nhân sinh thành bình diện. Sự hưởng thưởng của văn hóa nghĩa là sự hưởng thưởng của nhân cách. Sự phát hiện người và thực hiện người, đó là tuyệt đối cứu cánh công năng và ý nghĩa của xã hội đồng thời là lập thể.

1. Toàn Dân Dân Sinh Chính Trị:

Tam phân chế độ: phân công - phân lợi - phân mệnh.

2. Toàn Dân Quốc Dân Giáo Dưỡng:

- Tận kỳ sở năng [dùng người].
- Toại kỳ sở nhu [nuôi người].
- Chính kỳ sở mệnh [xét người].

3. Thực Hiện Chính Trị:

- Cá nhân: Tinh thần thống nhất.
- Xã hội: Xã hội hòa hài (harmonie).
- Dân tộc: Dân tộc sinh hoạt bình đẳng, mãn túc và an thích (lục dân: dân tộc, dân đạo, dân văn, dân trị, dân sinh, dân vực).

B. DÂN TỘC BẢN VỊ: Dân Tộc - Dân Đạo - Dân Văn - Dân Trị - Dân Sinh - Dân Vực

Thực hiện Tam Nhân phải thông qua Lục Dân.

⁵³ Y: y phục, may mặc. Thực: ăn uống, [thực phẩm]. Trú: nơi cư trú, nhà cửa. Hành: đi lại, giao thông. Dục: sinh đẻ, hôn nhân, dạy dỗ, nuôi dưỡng. Lạc: vui tươi, hạnh phúc. Tác: công tác, công việc, sự làm việc.

- Phục hưng Dân Tộc.
- Phát dương Dân Đạo.
- Sáng hoá Dân Văn.
- Chính sức Dân Trị.
- Quảng đại Dân Sinh.
- Trọn vẹn Dân Vực.

C. TRUNG TÂM BẢN VỊ: QUỐC GIA

1. Lực Lượng Gốc

Quốc gia nguyên tăng cộng-đồng-thể dẫn dắt và sung thực bởi quốc-dân-đoàn chủ-đạo-thể và đảng hạch trung tâm, dân chủ tập ủy quyền thi hành qua chế độ công dân phân ngạch nghĩa là hành động cộng-đồng-thể đưa dắt bởi trí năng chủ-đạo-thể và trì chí bởi đảng. Đó là Chủ nghĩa Hạch-tâm-thể.

2. Tinh Thần Gốc

“Lập Quốc Để Uẩn⁵⁴” của dân tộc gồm tính, tình, chí truyền thống tự lực sung thực bởi truyền thống lập quốc căn bản [chủ] nghĩa, là tinh thần cộng-đồng-thể, trì chí bởi trí năng chủ-đạo-thể và hạch-tâm-thể (Kinh Dương với Quốc Miếu). Đó là Tinh thần Hạch-tâm-thể.

3. Hành Động Gốc

“Cơ Năng Hiến Pháp” tự quốc dân hoạt động nối liền với hành chính hoạt động thành xã hội hòa hài là hành động cộng-đồng-thể, trì chí bởi Quốc Dân Đại Hội là chủ-đạo-thể; đưa dắt bởi Quốc Dân Khu Mật Viện là hạch-tâm-thể. Toàn dân giáo dưỡng và sinh hoạt giáo dục kiến lập trên cộng-đồng-thể; hành động đưa dắt bởi tiềm tại tu dưỡng và trung tâm tu dưỡng bởi lịch sử sinh hoạt và nghệ thuật tu dưỡng. Đó là Hành động Hạch-tâm-thể.

⁵⁴ Để Uẩn: Thực tình bề trong, như chữ nội dung. Đào Duy Anh (2005). *Hán Việt Từ Điển*. Nxb Văn Hoá Thông Tin, trang 220.

4. Sinh Mệnh Gốc

“Lục Dân Chính Sách” là sinh mệnh cộng-đồng-thể; thực hành [Lục Dân] châu vào “Tam Nhân” là chủ đạo thể; chuyển vào thực hiện triết học đó là Sinh mệnh Hạch-tâm-thể.

5. Cách Mạng Gốc

“Cứu Quốc Tồn Chúng”, độc lập thống nhất, Thăng Nghĩa Kinh Dương, đó là cách mạng cộng-đồng-thể mà thực hiện sinh, tồn, tục, tiến, hóa là bộ sậu cách mạng chủ-đạo-thể, đó là Cách mạng Hạch-tâm-thể.

Căn cứ vào thể hệ đó, sự điều động và tổ chức lại học thống tức là cải tạo lại thể hệ của tri thức, đưa tri thức vào vị trí và quan hệ thích đáng, đồng thời tức là đưa sinh mệnh vào một hệ thống [học chính] quy, học thống mới.

A. VŨ TRỤ [QUAN]: Dàn chia ra ba học hệ [Đạo Học, Quĩ Học và Khoa Học]

a. Đạo Học chia ra [hai chi]:

1. Hình Nhi Thượng Học và
2. Hình Nhi Hạ Học.

b. Quĩ Học chia ra ba chi:

- | | | |
|------------------------|---|-------------------|
| 1. Lý Quĩ: Lý Tắc Học. | } | Khí cụ |
| 2. Số Quĩ: Số Lý Học. | | đánh thông |
| 3. Danh Quĩ: Văn Học. | | người với vũ trụ. |

c. Nhân Sinh, Xã Hội, Nghệ Thuật Khoa Học chia ra làm ba chi:

1. Nhân Sinh Khoa Học - Tự Nhiên.
2. Xã Hội Khoa Học.
3. Nghệ Thuật Khoa Học.

B. MÔ PHẠM HỌC: GIÁO DƯỠNG HỌC⁵⁵

Người Việt ta có cái học truyền thống rất khả quan. Lãn Ông nói: “Đọc sách tìm nghĩa không khó, hiểu được lý mới khó, mà hiểu ngoài lý càng khó hơn nữa”.

Thực hành được tinh thần ấy há chẳng phát huy được dân tộc học thống ư? Học thống mang ý nghĩa toàn loài người nhưng dân tộc bản vị yêu cầu kiến lập những dân tộc khoa học, đó là học thống mới.

Nhận xét lại cội gốc của văn hóa mới trên một cơ sở mới rồi kiến lập một trung tâm bản vị cho tinh thần, đó là chính danh chế độ, tức là ngữ học của dân tộc gồm:

- Ngôn ngữ nguyên lý.
- Phiên dịch học và
- Văn ngữ kiến thiết.

Đó là tâm ý của Lập Học, đồng thời suy diễn ra, đó là tâm ý của Thiết Giáo, Kiến Quốc, Đồng Nhân và Tổ Đảng.

Dưới sự chỉ đạo đó mà kết tinh nên những tinh hoa và linh hồn của Thăng Nghĩa Chính Trị, Bình Sản Kinh Tế, Thực Hiện Triết Học, Sinh Hoạt Giáo Dục và Đại Nam Tông Hoá.

X.Y. Thái Dịch Lý Đông A⁵⁶

⁵⁵ “Mô Phạm Học: Giáo Dưỡng Học”, Tiến sĩ Phạm Khắc Hàm có lẽ vì nhận được tài liệu do lỗi sắp chữ nên trong cuốn *Triết Lý Lý Đông A* của ông, ông viết là “Một Phẩm Học: Giáo Dưỡng Học”, và theo tiến sĩ trình bày thì đề tài này chưa được Lý tiên sinh triển khai. Trong tài liệu *Chìa Khoá Thăng Nghĩa (Chú giải)* của Đồng Nhân Học Xã, ghi mục này là “Lập Học: Giáo Dưỡng Học”. (HHTN)

⁵⁶ Cuối các tài liệu khác của Lý tiên sinh thường thấy ghi “X.Y. Lý Đông A” và năm hoàn tất, nhưng tài liệu này không ghi năm. Theo lời kể thì sau khi biên soạn xong một tài liệu, các đồng chí chép lại và ông đánh dấu “X.Y.”, như chữ ký xác nhận đó là bản “sao y bản chính”. Ông thu bản do chính tay ông viết để tránh kẻ địch (Pháp và cộng sản) nhận diện được nét chữ của ông. Tài liệu này không để năm hoàn tất và nhiều đề mục dường như mới chỉ ghi ý chính, có thể là do tình thế cấp bách của thời cuộc nên ông chưa kịp triển khai. Tương truyền một số tài liệu do cụ Thái Nhân và các đồng chí chép lại được Lý tiên sinh gọi là “lần xuất bản thứ nhất”. (HHTN)

